TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÂM ĐỒNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 05-9-2025
V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Rung K'Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST– HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019, chị và anh Trần Văn H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/10/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chị sinh sống, làm ăn tại tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi về sống chung với nhau cuộc sống vợ chồng chị hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Tuy nhiên từ năm

2023 cho đến nay, giữa vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa, xô xát nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Mặc dù, vợ chồng chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn lại tình cảm, tìm lại tiếng nói chung với nhau nhưng đều không được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn, chị xác định không còn tình cảm với anh H, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay.

Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi và ảnh hưởng tới con cái. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly với anh Trần Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 (một) con chung là: Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/12/2020. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giao cháu Đ cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, chị N không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Trần Văn H trình bày tại bản tự khai thì:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019, anh và chị Nguyễn Thị N xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/10/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Vợ chồng anh sinh sống, làm ăn tại tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi về sống chung với nhau cuộc sống vợ chồng anh hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Tuy nhiên, từ năm 2023 cho đến nay, giữa vợ chồng xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa, xô xát nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Mặc dù, vợ chồng anh đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn lại tình cảm, tìm lại tiếng nói chung với nhau nhưng đều không được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn, anh xác định không còn tình cảm với chị N, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay.

Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi và ảnh hưởng tới con cái. Nay chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 (một) con chung là: Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/12/2020. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu Đ cho chị được trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, anh H không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt một bên đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị N, giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn H. Về con chung, đề nghị giao con chung là Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/12/2020 cho chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh Trần Văn H cư trú tại: thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 11/10/2019 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo kết quả xác minh thì quá trình chung sống, vợ chồng anh H, chị N có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xô xát nhau. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh H tham gia phiên họp hòa giải nhưng anh H vắng mặt, điều này chứng tỏ anh H không có thiện chí đoàn tụ vợ chồng. Đồng thời, tại bản tự

khai, anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh xác định không còn tình cảm với chị N nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N xử cho chị N được ly hôn với anh H là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị N và anh H xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/12/2020. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong lời, anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành. Xét thấy, con chung sống cùng với chị N từ nhỏ nên để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý cho trẻ, cần giao con chung tên là Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/12/2020 cho chị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N, anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N, anh H xác định vợ chồng không có nợ chung nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Giao con chung tên là Trần Quốc Đ, sinh ngày 30/12/2020 cho chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000620 ngày 16/7/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh